

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HS-ST
Ngày 11-11-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và ông Phạm Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **97/2022**TLST-HS ngày **20 tháng 10 năm 2022** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HS ngày **28 tháng 10 năm 2022**, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị T**, sinh năm 1974, tại Kinh Môn, Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC B3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty; trình độ văn hóa (học vấn): 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Phùng Thị M; gia đình bị cáo có 2 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng: Trần Xuân Q và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2021 đến ngày 25/01/2022 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế Khu vực KM; Số 128 THĐ, phường AL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Kim T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 128 THĐ, phường AL, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Văn bản cử người đại diện số 1007/CCTKV-KTT ngày 06/6/2022. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

+ Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1968;

Đều có địa chỉ: KDC B3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Đậu Thị Thùy D1, sinh năm 1985, địa chỉ: Đường Mạc Toán,

phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 70/545 Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

+ Anh Phạm Văn D2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Ph, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

+ Anh Phạm Hồ D3, sinh năm 1982; địa chỉ: 4/1 đường Quán Thánh, phường Bình Hàn, TP. Hải Dương.

+ Chị Đào Thị Thu H2, sinh năm 1982; địa chỉ: Đội 4, thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

+ Anh Phạm Văn D4, sinh năm 1972; địa chỉ: KDC Hạ Chiếu 1, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Phùng Văn T2; địa chỉ: KDC Hạ Chiếu 3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 12/88, thôn Trang Quan, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

+ Anh Tống Văn V, sinh năm 1991; địa chỉ: An Hòa, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Những người làm chứng, chị H có mặt, còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Một thành viên QT (viết tắt là Công ty QT) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp mã số doanh nghiệp: 0800356894 ngày 11/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 11 năm 2019, có trụ sở tại Khu B3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty là Phạm Thị T. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Kinh doanh, mua bán than, cát, đá, sỏi, quặng và một số ngành nghề kinh doanh khác. Công ty QT kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Kim Môn theo phương pháp khấu trừ thuế. Trong các năm 2018, 2019, 2020 Công ty QT đã ký hợp đồng mua than cục, đá vôi đen, tro đáy nhiệt điện, quặng sắt, đất đá tổng hợp các loại của nhiều đơn vị như: Công ty cổ phần phát triển VM KTĐ, có địa chỉ tại Thượng Quận- Kinh Môn; Công ty cổ phần thương mại và vận tải VA, địa chỉ tại phường MT, thị xã Kinh Môn; Hợp tác xã xí nghiệp chế biến và kinh doanh than HH, địa chỉ tại phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH vận tải và thương mại ĐA, địa chỉ tại phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Công ty QT mua hàng hóa của các Công ty trên phải chịu thuế giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) 10% trên giá trị hàng hóa, lợi nhuận thấp nên T mua hàng hóa trôi nổi của các tổ chức, cá nhân không có đăng ký kinh doanh, không phát hành hóa đơn GTGT rồi mua hóa đơn GTGT để hợp thức hóa nguồn gốc đầu vào để được hưởng lợi 2% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên mỗi tờ hóa đơn. Trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018, thông qua Bùi Thị Xâm, sinh năm 1960, trú tại: xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Xâm chết ngày 26/5/2020) T mua hàng hóa là than, đất,

đá, quặng, tro đáy nhiệt không có hóa đơn chứng từ, với tổng giá trị tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 50.919.043.632 đồng. Để hợp thức hóa số hàng hóa đầu vào không có hóa đơn, chứng từ, T đã thông qua Xâm mua trái phép 90 tờ hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của 02 Công ty gồm:

Mua 61 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH MTV TA 999 (*viết tắt Công ty TA*), địa chỉ trụ sở thôn Ba Xã, xã An Sinh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, do Nguyễn Văn H5, sinh năm 1992, trú tại: Đội 8, thôn Bắc Lạng, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Giám đốc, đến đầu năm 2018 Nguyễn Văn M6, sinh năm 1976, trú tại: 12/88, thôn Trang Quan, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã mua lại Công ty trên. Nội dung 61 hóa đơn thể hiện: Công ty TA 999 bán than, đất, đá, quặng sắt, tro đáy nhiệt và vận chuyển thuê cho Công ty QT, với tổng giá trị thanh T2 hàng hóa, dịch vụ ghi trên 61 tờ hóa đơn GTGT là: 26.665.004.372 đồng, trong đó tiền hàng hóa, dịch vụ là 24.240.913.065 đồng, tiền thuế GTGT là: 2.424.091.307 đồng;

Mua 29 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Thương mại SKT (*viết tắt Công ty SKT*), địa chỉ trụ sở số 380, đường Trần Phú, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, do anh Trịnh Văn Q5, sinh năm 1987, trú tại: thôn 5, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh là Giám đốc, đến đầu năm 2018 Nguyễn Văn M6, sinh năm 1976, trú tại: 12/88, thôn Trang Quan, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã mua lại Công ty trên. Nội dung 29 hóa đơn thể hiện: Công ty SKT bán cho Công ty QT than cục, than cám các loại, với tổng giá trị thanh T2 hàng hóa, dịch vụ ghi trên 29 tờ hóa đơn GTGT là 24.254.039.260 đồng, trong đó tiền hàng hóa, dịch vụ là 22.049.126.600 đồng, tiền thuế GTGT là: 2.204.912.660 đồng. Theo thỏa thuận, T phải trả bà Xâm số tiền mua hóa đơn bằng 8% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Nội dung trên hóa đơn ghi không số lượng hàng hóa dịch vụ, tiền hàng hai Công ty trên bán cho Công ty QT đúng với số lượng, chủng loại hàng hóa, tiền hàng mà Công ty QT mua của Xâm.

Để hợp thức hóa việc thanh T2 đối với 90 tờ hóa đơn mua trái phép của Xâm, T và Xâm thỏa thuận người của Công ty TA và Công ty SKT sẽ nộp trước tiền mặt vào tài khoản của Công ty QT, sau đó Công ty QT sẽ lập Ủy nhiệm chi chuyển lại số tiền theo đúng số tiền ghi trên hóa đơn đến tài khoản của hai Công ty này. Theo thỏa thuận, từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018, Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1984; trú tại: khu 18, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và Tống Văn Vĩ, sinh năm 1991, trú tại: xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã nhiều lần nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty QT với tổng số tiền là 46.918.868.340 đồng. Sau khi nhận được tiền từ 2 Công ty trên, do thời điểm này chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; trú tại: khu B3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương - là kế toán của Công ty QT thường xuyên nghỉ ốm nên anh Trần Xuân Q sinh năm 1968, trú tại: khu B3, phường MT, thị xã Kinh Môn (*chồng T*) đã lập 13 Ủy nhiệm chi và ký tên vào mục kế toán trưởng trên 13 ủy nhiệm chi rồi T ký chủ tài khoản để Công ty QT chuyển tiền đến tài khoản của Công ty TA và Công ty SKT số tiền là 51.919.049.209 đồng. Xâm và hai Công ty này đã đối trừ vào tiền T mua hóa

đơn là 3.700.000.000 đồng (8% tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn), số tiền còn lại 1.300.000.000 đồng Xâm trả lại cho T. Sau khi chuyển tiền, Công ty QT đã lập 04 Hợp đồng giữa Công ty TA với Công ty QT (trong đó có 03 Hợp đồng kinh tế, 01 hợp đồng dịch vụ) và 02 hợp đồng kinh tế giữa Công ty QT với Công ty SKT, kèm theo là 90 biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty QT với Công ty TA, Công ty SKT, các biên bản này đều thể hiện hai bên cùng nhau thống nhất đối chiếu, nghiệm thu về khối lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa và vận chuyển, có đóng dấu và chữ ký xác nhận của đại diện Công ty QT và Công ty TA, SKT. T đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị H - kế toán Công ty sử dụng 90 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TA và SKT, để hạch toán và kê khai thuế cho Công ty QT tại Chi cục thuế khu vực Kim Môn vào các kỳ tính thuế từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước số tiền là 4.629.004.474 đồng.

- Tiếp đến, từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, Phạm Thị T tiếp tục mua các mặt hàng là than, đất, đá, quặng, tro bay không có hóa đơn, chứng từ với một người tên Cún (không xác định được nhân thân, lai lịch) với tổng giá trị tiền hàng hóa là 18.096.752.080 đồng. Để hợp thức hóa các mặt hàng này, T đã thông qua Cún mua hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa kèm theo gồm: 09 tờ hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại dịch vụ BM (viết tắt Công ty BM), địa chỉ trụ sở tại số 2, tổ dân phố Phú Hải 2, phường Anh D3, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, do anh Nguyễn Văn Văn, sinh năm 1973, trú tại: thôn Thắng Lợi, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là Giám đốc. Nội dung 09 tờ hóa đơn GTGT thể hiện: Công ty BM bán than cục các loại cho Công ty QT với tổng giá trị hàng hóa ghi trên 09 tờ hóa đơn GTGT là 6.324.552.300 đồng, trong đó tiền hàng hóa là 5.749.593.000, tiền thuế GTGT là 574.959.300 đồng và mua 20 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng và Vận tải PP (viết tắt Công ty PP), địa chỉ: số 121/29C Lạch Tray, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, do anh Trần Văn Ph, sinh năm 1972, trú tại: thôn Đình Ngọc, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng là Giám đốc. Nội dung 20 tờ hóa đơn GTGT thể hiện: Công ty PP bán quặng sắt, đất, đá, tro đáy nhiệt và vận chuyển thuê cho Công ty QT với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên 20 tờ hóa đơn GTGT là 11.772.199.780 đồng, trong đó tiền hàng hóa, dịch vụ là 10.701.999.800 đồng, tiền thuế GTGT là 1.070.199.980 đồng. Tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ, thuế GTGT trên 29 hóa đơn là 18.096.752.080 đồng. Nội dung trên hóa đơn ghi không số lượng hàng hóa, dịch vụ, tiền hàng, hai Công ty trên bán cho Công ty QT đúng với số lượng, chủng loại hàng hóa, tiền hàng mà Công ty QT mua của Cún.

Để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn, T và Cún thỏa thuận: Người của Công ty PP và Công ty BM sẽ nộp đủ số tiền thanh T2 ghi trên hóa đơn (gồm tiền hàng hóa, dịch vụ và tiền thuế GTGT) vào tài khoản cá nhân của chị Nguyễn Thị H - Kế toán của Công ty QT, sau đó Công ty QT chuyển tiền đến Công ty BM và Công ty PP với nội dung thanh T2 tiền hàng như đối với mua bán hàng hóa thật. Từ ngày 17/02/2020 đến ngày 21/4/2020, Phạm Văn D2,

sinh năm 1972, trú tại: thôn Hoàng Lô, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Trần Văn Ph, sinh năm 1972; trú tại: số 70/545 Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Phạm Hồ D3, sinh năm 1982, trú tại: 4/1 đường Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và Đào Thị Thu H2, sinh năm 1982, trú tại: Đội 4, thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, là nhân viên Công ty BM và Công ty PP đã chuyển tổng số tiền là 17.696.850.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị H. T nói với chị H các khoản tiền này là tiền đối tác làm ăn chuyển và bảo H rút số tiền này ra để nộp vào tài khoản của Công ty QT số tiền 17.596.850.000 đồng và chuyển lại số tiền 100.000.000 đồng cho anh Phạm Văn D2. Sau đó, T chỉ đạo chị H lập 14 Ủy nhiệm chi và ký tên vào mục kế toán trưởng trên 14 ủy nhiệm chi rồi T ký chủ tài khoản để Công ty QT chuyển tiền đến tài khoản của Công ty BM và Công ty PP số tiền 18.096.752.080 đồng. Số tiền chênh 499.902.080 đồng là một phần tiền chi phí mua hóa đơn, số tiền mua hóa đơn GTGT còn lại Phạm Thị T trả tiền mặt trực tiếp cho anh Cún. Số tiền Phạm Thị T phải trả để mua hóa đơn là $8\% \times 16.451.592.800 = 1.316.127.424$ đồng. Sau đó, anh Cún lập 09 Hợp đồng kinh tế (trong đó có 07 hợp đồng kinh tế; 02 hợp đồng dịch vụ) và 29 biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty QT với Công ty BM và Công ty PP từ ngày 01/12/2019 đến ngày 31/3/2020, các biên bản này đều thể hiện hai bên cùng nhau thống nhất đối chiếu, nghiệm thu về khối lượng, chủng loại, chất lượng hàng hóa giao nhận và vận chuyển, có đóng dấu và chữ ký xác nhận của đại diện Công ty QT và Công ty BM, Công ty PP. Sau đó, Cún trực tiếp đem toàn bộ số hóa đơn, biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty BM, Công ty PP với Công ty QT đến giao cho T. T đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị H - kế toán Công ty sử dụng 29 tờ hóa đơn GTGT của Công ty BM và PP, để hạch toán và kê khai thuế cho Công ty QT tại Chi cục thuế khu vực Kim Môn vào các kỳ tính thuế từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020 để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào với giá trị hàng hóa là 16.451.592.800 đồng, thuế GTGT là: 1.645.159.280 đồng. Do cuối kỳ đơn vị kê khai số thuế GTGT còn được khấu trừ 36.986.305 đồng, dẫn đến làm thất thu ngân sách nhà nước số tiền 1.608.172.975 đồng.

Toàn bộ số hàng hóa than, đất, đá, quặng, tro bay do Phạm Thị T và Công ty QT mua từ người đàn ông tên Cún và bà Xâm, Công ty QT đã xuất bán cho các doanh nghiệp theo các hóa đơn GTGT bán hàng của Công ty QT và đã kê khai nộp thuế theo quy định của Nhà nước, gồm: Công ty cổ phần giấy CB, địa chỉ: thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Công ty cổ phần thương mại và vận tải VA và Công ty TNHH một thành viên thương mại và vận tải NK, đều có địa chỉ: thị trấn MT, thị xã Kinh Môn; Công ty TNHH thương mại HT1, địa chỉ: phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH một thành viên VA HC, địa chỉ: phường Bình Hàn, TPHD; chi nhánh Công ty TNHH ống thép HP1 (chi nhánh Hưng Yên), địa chỉ: thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Tại Kết luận giám định số 106/KLGD ngày 08/12/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

+ Hình dấu tròn đóng trên các hóa đơn GTGT của Công ty TNHH BM, Công ty TNHH PP, Công ty TNHH MTV TA 999, Công ty TNHH thương mại SKT và trên các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng dịch vụ, Biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty TNHH QT với các Công ty nêu trên là hình dấu tròn của Công ty TNHH BM, Công ty TNHH PP, Công ty TNHH MTV TA 999 và Công ty TNHH thương mại SKT.

+ Hình dấu tròn có nội dung " CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QT" tại mục "Đại diện bên A" trên hóa đơn GTGT, hợp đồng dịch vụ, ủy nhiệm chi với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký tại mục " Đại diện bên A", "Chủ tài khoản", đứng tên Giám đốc Phạm Thị T trên các Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng dịch vụ, Biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty TNHH QT với Công ty TA, SKT, PP và BM là chữ ký của Phạm Thị T

+ Chữ ký đứng tên Trần Văn Ph ở mục "Thủ trưởng đơn vị", "Đại diện bên B" trên các hóa đơn, Hợp đồng dịch vụ, giữa Công ty TNHH PP với Công ty TNHH QT là chữ ký của Trần Văn Ph- Giám đốc Công ty TNHH PP.

+ Chữ ký tại mục "Kế toán trưởng" đứng tên Nguyễn Thị H, Trần Xuân Q trên các Ủy nhiệm chi của Công ty TNHH QT là chữ ký của Nguyễn Thị H, Trần Xuân Q.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký ở mục "Thủ trưởng đơn vị", "Đại diện bên B" trên các hóa đơn, Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng dịch vụ, Biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa của Công ty TNHH BM, Công ty TNHH MTV TA 999 và Công ty TNHH thương mại SKT với Công ty TNHH QT là chữ ký của Nguyễn Văn V - Giám đốc Công ty TNHH BM, Nguyễn Văn H5 Giám đốc Công ty TNHH MTV TA 999 và Trịnh Văn Q5- Giám đốc Công ty TNHH thương mại SKT.

- Kết luận giám định tư pháp ngày 05/07/2021 của Hội đồng giám định tư pháp Cục thuế tỉnh Hải Dương, kết luận: Công ty TNHH một thành viên QT sử dụng bất hợp pháp 90 số hóa đơn (của Công ty TNHH thương mại SKT, Công ty TNHH một thành viên Thiên An 999) không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào là 4.629.004.474 đồng dẫn đến trốn thuế và làm thất thu ngân sách nhà nước số tiền là 4.629.004.474 đồng. Đối với khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, do trong hồ sơ trung cầu giám định của cơ quan Công an không nêu và không có hồ sơ đi kèm việc Công ty QT sử dụng bất hợp pháp 90 số hóa đơn để hạch toán giá vốn và xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nên không có căn cứ kết luận số tiền trốn thuế TNDN của Công ty QT.

- Kết luận giám định tư pháp ngày 13/09/2021 của Hội đồng giám định Cục thuế tỉnh Hải Dương, kết luận: Hành vi Công ty TNHH một thành viên QT sử dụng bất hợp pháp 29 số hóa đơn (của Công ty TNHH đầu tư kinh doanh thương mại dịch vụ PP và Công ty TNHH đầu tư kinh doanh thương mại dịch vụ BM) không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào với giá trị hàng hóa là 16.451.592.800 đồng. Do cuối kỳ đơn vị kê khai số thuế GTGT còn được khấu

trừ 36.986.305 đồng, do đó dẫn đến trốn thuế và làm thất thu ngân sách nhà nước số tiền 1.608.172.975 đồng. Đối với khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, do hồ sơ trung cầu giám định của cơ quan Công an không có hồ sơ đi kèm việc Công ty QT sử dụng bất hợp pháp 29 số hóa đơn để hạch toán giá vốn và xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nên không có căn cứ kết luận việc trốn thuế TNDN của Công ty QT.

Quá trình điều tra Công ty QT đã giao nộp:

- 09 tờ hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty BM xuất bán hàng hóa cho Công ty QT, thời điểm từ ngày 05/12/2019 đến ngày 13/3/2020; 20 tờ hóa đơn GTGT (liên 2), của Công ty PP xuất bán hàng hóa cho Công ty QT, thời điểm từ ngày 11/12/2019 đến ngày 31/3/2020; kèm theo là các biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa; 02 hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa giữa Công ty QT và Công ty BM.

- Bản gốc các sổ sách kế toán của Công ty QT các năm 2018, 2019 và năm 2020.

- Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty QT hàng tháng (năm 2019, 2020).

* Vật chứng do Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Hải Phòng bàn giao khi thu giữ và khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của Phạm Thị T ở số 9 Giải Phóng, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, gồm:

- 23 số hóa đơn GTGT của Công ty TA xuất bán cho Công ty QT, thời điểm từ ngày 12/3/2018 đến ngày 31/5/2018; 38 số hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty TA xuất bán cho Công ty QT, thời điểm từ ngày 13/6/2018 đến ngày 30/11/2018; 29 tờ hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty SKT xuất bán cho Công ty QT, thời điểm từ ngày 02/7/2018 đến ngày 22/12/2018; kèm theo là các biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa; 04 Hợp đồng giữa Công ty TA và Công ty QT (Hợp đồng kinh tế số 08 ngày 03/02/2018; số 07 ngày 01/3/2018; số 09 ngày 05/2/2018; số 10 ngày 02/4/2018); 02 Hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa giữa Công ty QT và Công ty SKT số 11 ngày 01/7/2018, số 12 ngày 01/8/2018

- 04 (bốn) Sổ thống kê Tờ khai thuế GTGT; Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán; Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty QT quý I/2018, quý II/2018, quý III/2018 và quý IV/2018 (bản chính).

* Số vật chứng chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn gồm:

- + 01 cây máy tính để bàn màu đen, nhãn hiệu Mega của Công ty TNHH MTV QT, thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Phạm Thị T.

- + Số tiền bị can và gia đình tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội, tổng số là 3.700.000.000 đồng hiện đang được gửi tại Chi cục THADS thị xã Kinh Môn.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 26/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Thị T về tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được chấp hành án tại địa phương.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Trốn thuế”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65; BLHS. Xử phạt Phạm Thị T từ 27 đến 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường MT quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Biện pháp tư pháp: **Căn cứ** điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu số tiền 6.237.177.449 đồng sung quỹ Nhà nước, đã nộp 3.700.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp 2.537.177.449 đồng.

Tịch thu phát mại sung Ngân sách Nhà nước: 01 cây máy tính để bàn.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* HĐXX xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định bị cáo Phạm Thị T có tội và áp dụng pháp luật:* Lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/2018 đến tháng 03/2020, Phạm Thị T - Giám đốc Công ty TNHH MTV QT, có trụ sở tại Khu B3, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đã mua 409.215,65 tấn hàng hóa là đất, đá, than, quặng, tro bay trôi nổi không rõ nguồn gốc, không có hóa đơn, chứng từ của người đàn ông

theo T khai tên Cún (*không xác định định nhân thân, lai lịch*) và người phụ nữ tên Bùi Thị Xâm sinh năm 1960, trú quán: xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng (*Xâm chết ngày 26/5/2020*) để bán. Đề hợp thức hóa số hàng hóa đầu vào, Phạm Thị T đã thông qua Cún và Xâm mua trái phép tổng số 119 hóa đơn GTGT không (*không có hàng hóa kèm theo*) của Công ty TNHH MTV TA 999, địa chỉ trụ sở thôn Ba Xã, xã An Sinh, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Công ty TNHH Thương mại SKT, địa chỉ trụ sở số 380, đường Trần Phú, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại Dịch vụ BM, địa chỉ trụ sở số 2, tổ dân phố Phú Hải 2, phường Anh D3, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng và Vận tải PP, địa chỉ: số 121/29C Lạch Tray, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, với tổng giá trị thanh T2 hàng hóa, dịch vụ ghi trên 119 hóa đơn là 69.015.795.712 đồng, trong đó tiền hàng hóa, dịch vụ là 62.741.632.465 đồng, tiền thuế GTGT là: 6.274.163.247 đồng. Phạm Thị T đã sử dụng 119 số hóa đơn trên để hạch toán kế toán, kê khai, khấu trừ thuế GTGT doanh nghiệp tại Chi Cục thuế khu vực Kim Môn, tỉnh Hải Dương dẫn đến trốn thuế và làm thất thu ngân sách nhà nước số tiền là 6.237.177.449 đồng.

[3]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai thuế là xâm phạm hoạt động quản lý thuế của Nhà nước nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Tiền thuế Nhà nước thất thu là 6.237.177.449 đồng nên hành vi của Phạm Thị T đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để Tòa án xét xử bị cáo về tội Trốn thuế theo khoản 3 Điều 200 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, HĐXX xác định là tội phạm nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả bằng 60% số tiền Nhà nước thất thu nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo cung cấp các bản sao: Huân chương kháng chiến của ông Trần Quang Bách – bố chồng bị cáo; Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ giải phóng và chứng nhận liệt sỹ của anh Trần Quang Dũng – anh chồng của bị cáo (vợ chồng bị cáo đang trực tiếp thờ cúng ông Bách và anh D3) nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6]. Từ căn cứ trên, HĐXX thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, khắc phục phần lớn thiệt hại và có khả năng tự cải tạo nên HĐXX áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 38; khoản 1, 2, và 5 Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Hình phạt bổ sung: Để tăng cường tính răn đe, cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước theo khoản 4 Điều 200 BLHS.

[8]. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 6.237.177.449 đồng vào Ngân sách nhà nước, bị cáo đã nộp 3.700.000.000 đồng (trong đó Giấy nộp tiền ngày 15/6/2022 số HD: 150622.0038.000084 của Ngân hàng Vietcombank vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn số tiền 3.200.000.000 đồng; Biên lai thu tiền ngày 08/11/2022 của Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn số tiền 500.000.000 đồng), bị cáo còn phải nộp 2.537.177.449 đồng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 cây máy tính để bàn màu đen, nhãn hiệu Mega của Công ty TNHH MTV QT, thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Phạm Thị T.

- **Lưu giữ trong hồ sơ các** tờ hóa đơn GTGT; các biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa; các hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa; Bản gốc các sổ sách kế toán của Công ty QT các năm 2018, 2019 và năm 2020; Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty QT.

[9] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí **hình sự sơ thẩm** theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Trong vụ án này:

- Đối với Nguyễn Hoàng M, Phạm Văn D2, Trần Văn Ph và Đào Thị Thu H2: Là người điều hành, kế toán của Công ty TA; Công ty SKT; Công ty BM và Công ty PP thực hiện việc bán hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho bị can Phạm Thị T, các đối tượng này đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử tại bản án số 192/2021/HS-ST ngày 31/12/2021 và số 117/2020/HS-ST ngày 05/8/2021 nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Thị H: Là kế toán của Công ty QT thực hiện theo sự chỉ đạo của Phạm Thị T là Giám đốc Công ty, có hành vi giúp T lập trên máy tính Hợp đồng kinh tế, hợp đồng dịch vụ, kèm theo 90 biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa giữa Công ty QT với Công ty TA, Công ty SKT và đối với Phạm Thị T, ngoài hành vi trốn thuế, còn có hành vi mua trái phép hóa đơn. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố tại văn bản số 06/VKS ngày 20/10/2022.

- Đối với Đậu Thị Thùy D1: Chị Dương được Công ty QT thuê lập hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán, nộp báo cáo, tờ khai thuế GTGT, nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của Công ty QT, không biết việc mua bán hóa đơn GTGT của Phạm Thị T nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Dương.

- Đối với Trần Xuân Q: Anh Q không giữ chức vụ và tham gia hoạt động gì tại Công ty TNHH QT, chỉ một số lần được T nhờ thực hiện công việc của kế toán để giao dịch tại ngân hàng khi H nghỉ ốm. Anh Q không biết hoạt động

kinh doanh tại Công ty TNHH QT và không biết việc Phạm Thị T mua trái phép hóa đơn không có hàng hóa kèm theo để kê khai thuế nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với anh Q.

- Đối với ông Phạm Văn D4, Phùng Văn T2: Là người được Công ty TNHH MTV QT thuê vận chuyển hàng hóa, dịch vụ, các lần vận chuyển hàng hóa đều có thật, cả 02 ông đều là cá nhân kinh doanh vận tải, không đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh cá thể, nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với ông Dầu và ông Toán.

- Đối với Giám đốc các Công ty có phát sinh quan hệ mua bán giao dịch kinh tế với Công ty QT: Các Công ty này khi mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty QT đều có hóa đơn GTGT, việc mua bán là hợp pháp nên không đặt ra việc xử lý.

- Đối với khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu làm căn cứ giám định thuế TNDN đối với Công ty QT và trưng cầu Cục thuế tỉnh Hải Dương giám định thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, với những tài liệu đã thu thập được từ Công ty QT, Cục thuế tỉnh Hải Dương, xác định chưa có đủ cơ sở để xác định Công ty QT sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hạch toán giá vốn và xác định chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế để kết luận về số tiền trốn thuế thu nhập doanh nghiệp chịu thuế. Do vậy, không đủ căn cứ để xem xét xử lý T đối với khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với pháp nhân thương mại: Công ty TNHH MTV QT, người đại diện theo pháp luật là Phạm Thị T và là người trực tiếp giao dịch mua bán hàng hóa, mọi lợi nhuận phát sinh từ hoạt động kinh doanh do một mình T hưởng. Do vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại: Công ty TNHH MTV QT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội "Trốn thuế".

2/ Về hình:

- **Hình phạt chính:** Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/11/2022).

Giao Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình

người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- **Hình phạt bổ sung:** Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

3/ Về biện pháp tư pháp:

Truy thu số tiền 6.237.177.449 đồng nộp vào Ngân sách nhà nước, bị cáo đã nộp 3.700.000.000 đồng (trong đó Giấy nộp tiền ngày 15/6/2022 số HD: 150622.0038.000084 của Ngân hàng Vietcombank chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn số tiền 3.200.000.000 đồng; Biên lai thu tiền ngày 08/11/2022 của Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn số tiền 500.000.000 đồng), bị cáo còn phải nộp 2.537.177.449 đồng.

Tịch thu phát mại sung Ngân sách Nhà nước: 01 cây máy tính để bàn màu đen của Công ty TNHH MTV QT.

Lưu giữ trong hồ sơ các tờ hóa đơn GTGT; các biên bản đối chiếu nghiệm thu hàng hóa; các hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa; Bản gốc các sổ sách kế toán của Công ty QT các năm 2018, 2019 và năm 2020; Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán, Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty QT.

(Vật chứng đang được lưu kho của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Đặc điểm vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an thị xã Kinh Môn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 15/6/2022)

4/ Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Biên Hoàng Văn Ngọc

Đào Văn Phúc